TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/**2020/HS-ST
Ngày 14-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Mận

2. Ông Hồ Phi Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 150/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN Đ, (Cu Mọi), sinh năm 2001 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp Z, xã Y, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa, Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không. Con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị O, Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 180/QĐ-XPVPHC, ngày 05/12/2018, bị Công an thị trấn A, huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hình thức: phạt tiền 375.000 đồng.

Tiền án: Không; Bắt tạm giam ngày 07/6/2019 (theo bản án hình sự sơ thẩm số: 84/2019/HS-ST ngày 23/8/2019).

2. NGUYỄN VĂN P; Sinh năm 2000 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: khu phố 8, thị trấn A, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: Lớp 4/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị B, vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 179/QĐ-XPVPHC ngày 05/12/2018, bị Công an thị trấn A, huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hình thức: phạt tiền 750.000 đồng.

Tiền án: Không. Bắt tạm giam ngày 29/7/2019.

3. BÙI HOÀNG D, sinh năm 2000 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp Z, xã Y, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Bùi Cvà bà Nguyễn Ngọc D; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Bắt tạm giam ngày 05/7/2019 .

4. NGUYỄN VĂN H, Sinh năm: 1992 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp Z, xã Y, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị O; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: không;

Tiền án: tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 28/02/2017 bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 6 tháng tù, về tội: "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong án phạt tù ngày 05/02/2018; Bắt tạm giam ngày 11/8/2019.

5. PHẠM ĐĂNG K; sinh năm: 1996 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp Z, xã Y, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phạm Thụy F và bà Huỳnh Thị G; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: không.

Tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2014/HSST ngày 10/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù, về tội: "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong án phạt tù ngày 02/2/2015.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 28/02/2017, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù, về tội: "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong án phạt tù ngày 05/8/2018.

Nhân thân:

+ Ngày 01/3/2016 bị Công an xã Y, huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 08.

+ Ngày 13/4/2016 bị Ủy ban nhân dân xã Y, huyện X, tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 87 về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bắt tạm giam từ ngày 05/7/2019.

6. TRẦN VĂN E, Sinh năm: 1986 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp Z, xã Y, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Trần Văn C, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1947; Vợ: Lâm Ngọc M sinh năm 1986; Có 02 con chung, lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2009/HSST ngày 20/6/2009, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù, về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Chấp hành xong án phạt tù ngày 19/07/2015.

- Tại Quyết định số 1951/QĐ ngày 23/5/2005, Ủy ban nhân dân huyện huyện X, tỉnh Đồng Nai đưa đi cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời gian 24 tháng (chấp hành xong ngày 06/6/2007). Bắt tạm giam từ ngày 05/7/2019.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại:*

1. Anh BH1, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Z, xã Y, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông BH2, sinh năm: 1951 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn Gia Ray, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh ngày 11/10/2003 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của anh NLQ1: anh Nguyễn Văn G, sinh năm: 1981 và chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp Z, xã Y, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị NLQ2, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Z, xã Y, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh NLQ3, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp A, xã Y, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Vụ thứ nhất*: Khoảng 01 giờ ngày 25/02/2019, tại nhà Phạm Đăng K, NLQ1 rủ Bùi Hoàng D, Nguyễn Văn Đ cùng đi tìm nhà dân sơ hở trong quản lý tài sản thì đột nhập trộm cắp tài sản để bán lấy tiền xài thì Đ và D đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến quán bida không tên của anh BH1 ở ấp Z, xã Y, huyện X, tỉnh Đồng Nai, nhìn thấy cửa phòng ngủ trong quán khóa ngoài không có người trông coi nên các bị cáo D, Đ và đối tượng NLQ1 thống nhất vào quán bida của anh BH1 trộm cắp tài sản. Bị cáo D đứng ngoài cảnh giới, NLQ1 sử dụng kiềm mang theo phá khóa cửa và cùng với bị cáo Đ lén lút đột nhập vào phòng ngủ trộm cắp được ti vi nhãn hiệu SamSung 49inch, màn hình phẳng, màu đen khiêng ra ngoài, NLQ1 nói D đi đến nhà K và nhờ K chở tivi đem đến nhà K cất giấu. D đi bộ đến nhà gặp K và nhờ K đi chở tivi nhưng K không đồng ý nên NLQ1 và Đ phải để tivi vừa trộm cắp được trong quán của anh BH1 và đi bộ đến nhà gặp K hỏi mượn xe mô tô của K để chở tivi vừa trộm cắp được đưa về nhà K cất giấu thì K đồng ý. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, sau khi mượn được xe mô tô biển số 60FA-008.01 của K, bị cáo Đ điều khiển xe chở D đến quán bida của anh BH1 chở tivi trộm cắp được đến cất giấu ở bên hông trái nhà K. Các bị cáo NLQ1, Đ, D nói cho K biết vừa trộm cắp được tivi và nhờ K tìm nơi để bán thì bị cáo K đồng ý. Sau đó, K điện thoại cho E nhờ E bán giúp hoặc đổi lấy ma túy để sử dụng. Bị cáo E biết được tivi mà K đang nói là tài sản do trộm cắp mà có nên đồng ý và nói đưa tivi đến nhà E nên K nói Đ và D chở tivi đến nhà E.

Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, khi Đ và D chở tivi đến nhà E thì E ra mở cửa để Đ và D khiêng tivi vào để trong phòng khách rồi đi về. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, K đến nhà gặp E và nói cho E biết tivi mà Đ và D đem cho E tối qua là do trộm cắp mà có, anh để dùng đi, E đồng ý. Sau đó, E đi đến khu vực ấp Việt Kiều, xã Y, huyện X gặp một thanh niên tên J (chưa rõ nhân thân lai lịch) mua một gói ma túy tổng hợp (ma túy đá) với số tiền 500.000 đồng về sử dụng chung với K, số ma túy còn lại E đưa cho K. K mang ma túy về cùng NLQ1, Đ và D sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40 ngày 10/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X, kết luận: giá trị còn lại của 01 tivi nhãn hiệu SamSung 49inch (mã sản phẩm UA49J5200AK), màn hình phẳng, màu đen đã qua sử dụng là 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

- *Vụ thứ hai:* Khoảng 11 giờ ngày 05/6/2019, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H đến nhà Trần Văn E chơi. Tại đây Đ rủ P, H cùng đi tim nhà dân nào sơ hở trong quản lý tài sản thì đột nhập trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì P và H đồng ý. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng biển số 60B2-34408 chở Đ và P đi đến thị trấn A để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đi ngang qua nhà ông BH2 tại khu phố 4, thị trấn A, huyện X, tỉnh Đồng Nai thì cả ba nhìn thấy trước hiên nhà ông BH2 đang treo một lồng chim, không có người trông coi. H và P dừng xe đứng ngoài đường cảnh giới,

còn Đ lén lút tiếp cận hiên nhà, trộm cắp một lồng tre ngâm bên trong có một con chim Khướu, lông màu xám bạc má, khoảng gần 5 năm tuổi của ông BH2 rồi lên xe mô tô cùng H và P tẩu thoát về nhà Trần Văn E. Khi đến nhà E, Đ treo lồng chim khướu trước sân nhà và gặp, nói cho E biết việc Đ, H và P vừa trộm cắp được tại khu vực Chợ mới huyện X; đồng thời hỏi bán lồng chim và chim khướu cho E nhưng E nói không có chơi chim và cũng không có tiền mua. Đ nói E cho gửi lồng chim khướu trên tại nhà E, thì bị cáo E đồng ý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39 ngày 10/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X, kết luận: giá trị còn lại của 01 con chim khướu, lông màu xám bạc má, 5 năm tuổi, còn sống; 01 lồng tre ngâm, đường kính 40cm, cao 50cm, đã qua sử dụng là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng.

*Vật chứng vụ án:*01 con chim Khướu; 01 (một) lồng tre ngâm, đường kính 40cm, cao khoảng 50cm; 01 tivi SamSung 49inch; 01 xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, biển số 60FA-008.01; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60B2-34408.

Tại bản cáo trạng số: 114/CT-VKSXL ngày 03/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn P, Bùi Hoàng D, Nguyễn Văn H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Bị cáo Phạm Đăng K về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 2, khoản Điều 323 BLHS; Bị cáo Trần Văn E về tội: "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" và tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58, Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ: từ 10 tháng đến 12 tháng tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P: từ 12 tháng đến 14 tháng tù.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng D: từ 10 tháng đến 12 tháng tù.

5. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Đăng K: 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn E về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là từ: 10 tháng đến 12 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn E về tội chứa tài sản do người khác phạm tội mà có là từ: 06 tháng đến 08 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 02 tội là từ: 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ để kết tội đối với bị cáo:

Căn cứ vào bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và sự thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ, thể hiện các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng D, Phạm Đăng K, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H và Trần Văn E thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 25/02/2019, các Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng D và NLQ1 đã trộm cắp 01 tivi nhãn hiệu Samsung của anh BH1 tại quán bida. Sau đó, các bị cáo Đ, D và đối tượng NLQ1 gặp K nói là tivi vừa trộm cắp được và nhờ K bán, K đến nhà gặp E nói ti vi vừa trộm cắp được anh để dùng đi, E đồng ý và mua một gói ma túy tổng hợp (ma túy đá) với số tiền 500.000 đồng cùng dùng với K, phần còn dư đưa cho K. K mang ma túy về cùng NLQ1, Đ và D sử dụng. Giá trị tài sản bị thiệt hại là 7.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 12 giờ ngày 05/06/2019, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn H đã có hành vi trộm cắp 01 con chim khướu của ông BH2. Sau đó, các bị cáo đem lồng chim và chim khướu đến nhà bị cáo E, nói là vừa trộm cắp được hỏi E có mua không thì E không mua nên gửi lồng chim và chim khướu tại nhà E, E đồng ý và cất giữ.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng D và đối tượng NLQ1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 tivi Samsung (trị giá 7.000.000 đồng) của người bị hại, sau đó nhờ bị cáo K bán dùm. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn H cùng với bị cáo Đ thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chim khướu của ông BH2 (trị giá 2.8000.000 đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng D, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn H đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Bị cáo Phạm Đăng K, mặc dù biết tivi hiệu Samsung là tài sản do các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng D và đối tượng NLQ1 thực hiện hành vi phạm tội mà có, nhưng vẫn đồng ý cho mượn xe để vận chuyển tài sản trộm cắp, đồng thời tìm người tiêu thụ và giao tivi trên cho bị cáo E sử dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo K đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 BLHS. Bị cáo Phạm Đăng K có 02 tiền án, chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nên được định khung hình phạt tại điểm đ khoản 2 Điều 323 BLHS.

Bị cáo Trần Văn E mặc dù biết tài sản là tivi hiệu Samsung do bị cáo K bán và 01 con chim khướu do các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn H gửi là tài sản do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, nhưng bị cáo Trần Văn E vẫn đồng ý nhận 01 tivi Samsung để sử dụng và đi mua 01 gói ma túy (trị giá 500.000 đồng) cho bị cáo K và đồng ý cất giữ nhằm che dấu tài sản (là con chim và lồng chim) do các bị cáo Đ, P, H phạm tội mà có. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn E đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" và tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", được quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

[3] Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ là người rủ rê và là người thực hành tích cực trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 con chim khướu và 01 lồng chim của nhà ông BH2, là người thực hiện tích cực trong việc trộm cắp 01 tivi hiệu Samsung của anh BH1. Các bị cáo Bùi Hoàng D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn P tham gia với vai trò là người giúp sức. Đối với Phạm Đăng K và Trần Văn E biết rõ tivi, chim và lồng chim là do Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng D, NLQ1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp sức tiêu thụ và cất giữ.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn P, Phạm Đăng K, Trần Văn E, Nguyễn Văn H có nhân thân xấu, nên cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội 02 lần trở lên; Nguyễn Văn H phạm tội thuộc trường hợp tái phạm.

- Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn P, Bùi Hoàng D, Nguyễn Văn H, Trần Văn E, Phạm Đăng K đều phạm tội gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng Bùi Hoàng D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H là anh em ruột; bị cáo Nguyễn Văn H không biết chữ; các bị cáo thuộc gia đình lao động nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế; tài sản đã thu hồi, hoàn trả cho người bị hại; người bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo Đ, H và bị cáo P.

[5] Vật chứng vụ án:

- 01 con chim Khướu; 01 (một) lồng tre ngâm; 01 tivi SamSung 49inch, Cơ quan điều tra đã hoàn trả cho người bị hại nhận, nên không đặt ra xem xét.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, biển số 60FA-008.01; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60B2-34408 khi các bị cáo sử dụng là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, anh NLQ3 và chị NLQ2 không biết, nên cơ quan điều tra không thu giữ. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về các vấn đề khác:

- Đối với NLQ1, sinh ngày 11/10/2003, đã có hành vi vào ngày 25/2/2019 cùng Nguyễn Văn Đ và Bùi Hoàng D thực hiện hành vi phạm tội, do đối tượng NLQ1 tính đến ngày phạm tội là 15 tuổi 04 tháng 14 ngày nên cơ quan điều tra Công an huyện X xử lý hành chính là phù hợp.

- Đối với Trần Văn E khai E đã có hành vi đến khu vực ấp Việt Kiều, xã Y, huyện X gặp một thanh niên tên Hậu mua 01 gói ma túy tổng hợp với số tiền 500.000 và đưa ma túy cho Phạm Đăng K. Tuy nhiên, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch của Hậu nên tách ra, tiếp tục xác minh xử lý sau đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo, các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng D, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo Phạm Đăng K phạm tội "Tiêu thụ tài sản

do người khác phạm tội mà có"; Bị cáo Trần Văn E phạm tội: "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" và tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56, Điều 58, Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ: 10 (Mười) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số: 84/2019/HS-ST ngày 23/8/2019. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là: 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2019.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P: 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/7/2019.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2019.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng D: 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2019.

5. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Đăng K: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2019.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn E: 08 (Tám) tháng tù, về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội"; 06 (Sáu) tháng về tội "Chứa tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Trần Văn E phải chấp hành là: 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2019.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Hoàng D, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H, Phạm Đăng K, Trần Văn E, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND. T.Đồng Nai;
- VKSND T.Đồng Nai;
- Công an H.X;
- VKSND H.X;
- CCTHADS H.X;
- Sở Tư pháp T.Đồng Nai;
- UBND xã Y;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh